

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2020 /HC-PT**

Ngày: 26/6/2020

V/v “Kiện quyết định hành
chính, quyết định giải quyết
kiếu nại trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 117/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “*Kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 32/2019/HC- ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 935/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê C - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: ông Phạm Lý H- Luật sư, Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Số 52, Đường H1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:
Ông Phí Quang Hiến, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 163 đường Đường H1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

2.3. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Điều có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H.

Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T - Cán bộ địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường xã H; Có mặt.

3.2. Ông Lê C1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.3. Ông Lê C2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.4. Ông Trần Cao Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Lưu Thị Minh T2, sinh năm 1970; Có mặt

3.6. Bà Lê Thị Minh Tr, sinh năm 1995; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Lê Minh N, sinh năm 2000; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Lê Minh L, sinh năm 2002; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Điều có địa chỉ tại: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.9. Ông Võ Ngọc T3; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.10. Ông Võ Ngọc B; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.11. Ông Võ Ngọc S; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.12. Ông Đỗ Quang Q1; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.13. Ông Nguyễn T4; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.14. Bà Võ Thị Ph; Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.15. Ông Lê Văn L; Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3.16. Bà Võ Thị B1; Địa chỉ: Thôn B1, xã H2, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung vào ngày 19/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê C trình bày:

Năm 1990, ông cùng với cha là ông Lê Q2 (đã chết) khai hoang đất ở khu vực HT thuộc thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để làm rẫy. Đến năm 2001, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H thông báo người nào có nhu cầu trồng rừng thì đến UBND xã H đăng ký, gia đình ông có đến đăng ký, đồng thời ký hợp đồng với Công ty TNHH M tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo. Năm 2002, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876219 ngày 07/10/2002 cấp cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12, diện tích 103.000m², mục đích sử dụng: RTS tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi trên phần đất mà ông đã trồng keo từ năm 1990.

Năm 2002, gia đình ông cùng với các ông Lê C1, Lê C2, Trần Cao Th hợp tác làm ăn, đầu tư chi phí tiếp tục khai hoang, vỡ hóa, trồng keo ổn định trên diện tích đất được Nhà nước giao và không có ai tranh chấp, lấn chiếm. Năm 2008, gia đình ông sau khi khai thác kỳ keo đầu tiên thì các hộ dân ông Võ Ngọc T3, ông Võ Ngọc B, ông Võ Ngọc S, bà Võ Thị Ph, ông Đỗ Quang Q1, ông Lê Văn L, ông Nguyễn T4, bà Võ Thị B1 đã đến lấn chiếm phần đất của gia đình ông. Lý do mà các hộ này đưa ra là phần đất này của họ đã khai hoang, sử dụng từ trước năm 1990, ông có yêu cầu họ đưa ra tài liệu, chứng cứ nhưng họ cũng không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh họ đã khai hoang từ trước đó.

Sau đó các bên phát sinh tranh chấp và đề nghị UBND huyện N giải quyết. Ngày 19/10/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND về việc

thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Không đồng ý với Quyết định trên ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện N, ngày 12/02/2018 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu). Ngày 22/3/2018, UBND huyện N tiếp tục ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C.

Không đồng ý với Quyết định của UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 14/11/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2026/QĐ-UBND với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của ông Lê C, công nhận Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu).

Các Quyết định mà UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy toàn bộ các quyết định trên.

2. Người bị kiện:

** Ý kiến của UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N:*

Ông Lê C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy các Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C; Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu) là không có căn cứ. Vì các lẽ sau:

Năm 2000, UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND huyện N có chủ trương giao đất cho các hộ dân trồng rừng sản xuất, quá trình giao đất UBND xã H đã đồng ý cho nhiều hộ dân ở địa phương phát hoang, hợp đồng với Công ty TNHH M trồng keo. Tuy nhiên, trước khi giao đất UBND xã H, Phòng Địa chính huyện (nay là Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N) chưa tham mưu, thu hồi diện tích đất trước đây đã khai hoang, sản xuất từ trước là không đúng quy định của Luật đất đai.

- UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 là đúng quy định của pháp luật theo tinh thần của Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N tại Quyết định số

61/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 là đúng với trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:*

Ông Lê C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần hai) là không có căn cứ. Vì các lẽ sau:

Nguồn gốc đất của hộ ông Lê C được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2000 phần lớn là đất chôn hoang hóa, không ai sử dụng và một phần nhỏ có đất của người dân địa phương trước đây có khai hoang để sản xuất (trồng hoa màu) nhưng vào thời điểm năm 1999-2000 đều bỏ hoang hóa không có cơ sở để khẳng định diện tích đất của ông Lê C thì diện tích của hộ nào có nguồn gốc khai hoang sử dụng trước năm 2000 chưa được xử lý, diện tích bao nhiêu.

Vào khoảng năm 2000, có chủ trương trồng rừng sản xuất UBND xã H đã đồng ý cho nhiều hộ dân ở địa phương tiến hành phát hoang hợp đồng với công ty TNHH M trồng keo và đề nghị UBND huyện N giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 31 hộ, trong đó có hộ ông Lê C. Tuy nhiên, trước khi giao đất UBND xã H và Phòng Địa chính (nay là Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N) chưa tham mưu thu hồi diện tích đất của các hộ trước đây đã khai hoang, sản xuất là chưa đúng với quy định của Luật đất đai.

Việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên địa bàn xã H được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kết luận số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2018 và chỉ đạo UBND huyện N tại Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 trong đó ghi “*ban hành hủy Quyết định giao đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 14 hộ dân khu vực Hồ Nghệ, HT, Hồ Hường xã H không đúng đối tượng*”. Trên cơ sở đó, UBND huyện N đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ đang sử dụng đất, trong đó có hộ ông Lê C. Ông C đã có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định giải quyết, trong đó đã điều chỉnh nội dung căn cứ thu hồi và công nhận nội dung công dân khiếu nại đúng, bác nội dung khiếu nại không đúng. Qua xem xét nhận thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

** Ý kiến của UBND xã H:*

Năm 2000, Công ty TNHH M được UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND dân huyện N cho phép lập dự án và đầu tư trồng rừng tại địa bàn xã H, xã Hành Thuận, thị trấn C, huyện N tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 07/9/2001 của UBND huyện N với diện tích 800 ha. Trong đó, tại xã H được trồng với diện tích rừng là 680 ha.

Thời gian ban đầu các hộ dân trồng rừng ổn định, không phát sinh tranh chấp, nhưng đến năm 2008 các hộ dân bắt đầu phát sinh tranh chấp với nhau. Quá trình giải quyết tranh chấp Chủ tịch UBND huyện N đã thành lập Đoàn kiểm tra xem xét và đã ban hành Kết luận thanh tra số 214/KL-UBND ngày 28/5/2009, Kết luận thanh tra số 65/KL-UBND ngày 05/5/2015; Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 50 hộ dân trên địa bàn xã H. Trên cơ sở vụ án của ông Lê C khiếu kiện các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, việc khiếu kiện của ông Lê C là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của các ông, bà Lê C1, Lê C2, Trần Cao Th, Lưu Thị Minh T2, Lê Thị Minh Tr, Lê Minh L, Lê Minh N:* Trước năm 1990, gia đình ông Lê C cùng với cha của ông là ông Lê Q2 (đã chết) có khai hoang đất ở khu vực HT thuộc thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để làm rẫy. Đến năm 2001, UBND xã H thông báo người nào có nhu cầu trồng rừng thì đến UBND xã H đăng ký, gia đình các ông, bà có đến đăng ký, đồng thời ký hợp đồng với Công ty TNHH M tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo. Năm 2002, gia đình ông Lê C được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876219 ngày 07/10/2002 cấp cho hộ ông Lê C tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12, diện tích 103.000m², mục đích sử dụng: RTS tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi trên phần đất mà các ông, bà đã trồng keo từ năm 1990.

Từ năm 2002, gia đình hộ ông Lê C cùng với các ông Lê C1, Lê C2, Trần Cao Th hợp tác đầu tư nhiều chi phí để trồng keo, khai hoang, vỡ hóa. Đến năm 2008, sau kỳ thu hoạch keo đầu tiên các hộ dân là ông Võ Ngọc T3, ông Võ Ngọc B, ông Võ Ngọc S, bà Võ Thị Ph, ông Đỗ Quang Q1, ông Lê Văn L, ông Nguyễn T4, bà Võ Thị B1 đến lấn chiếm đất trên phần đất mà hộ gia đình ông C được UBND huyện N cấp là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình các ông, bà.

Gia đình các ông, bà đã làm đơn khiếu nại đề nghị UBND xã H, Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết nhưng UBND xã H, Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi lại công nhận phần đất

mà các hộ dân các ông Võ Ngọc T3, ông Võ Ngọc B, ông Võ Ngọc S, bà Võ Thị Ph, ông Đỗ Quang Q1, ông Lê Văn L, ông Nguyễn T4, bà Võ Thị B1 lấn chiếm là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy toàn bộ các Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C; Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu); Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần hai).

** Ý kiến của các ông, bà Võ Ngọc T3, Võ Ngọc B, Võ Ngọc S, Võ Thị Ph, Đỗ Quang Q1, Lê Văn L, Nguyễn T4, Võ Thị B1:* Vào khoảng năm 1987, các hộ dân chúng tôi có đến khu vực Hố Thúi ở thôn T1, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để khai hoang, làm rẫy. Đến năm 2001, hộ gia đình ông Lê C đến lấn chiếm đất của gia đình chúng tôi nên chúng tôi đã gửi đơn đến UBND xã H, Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi để yêu cầu giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 và Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn khởi kiện của ông Lê C xét xử theo như Kết luận thanh tra số 1948/KL-UBND ngày 25/4/2016 và Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 32/2019/HC- ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 1993; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn và Tổng cục địa chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê C về việc yêu cầu hủy Quyết

định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu) và Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/12/2019 người khởi kiện ông Lê C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Lê C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện UBND huyện N tại văn bản xin xét xử vắng mặt không thể hiện việc rút Quyết định số Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N. Ông Lê C cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lê C, sửa bản án sơ thẩm hủy 2 quyết định nói trên của UBND huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Trước năm 1990, ông Lê C cùng cha của ông là ông Lê Q2 (chết) có khai hoang theo ông Lê C khai diện tích khoảng 4000m² đến 5000m² tại khu vực HT thuộc thôn T1, xã H để làm rẫy. Năm 2001, UBND xã H có thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng ai có nhu cầu trồng rừng thì đến xã H đăng ký. Các ông Lê C, Lê C1, Lê C2, Trần Cao Th có đến đăng ký và thống nhất để ông Lê C ký hợp đồng số 61/HĐK ngày 25/12/2001 với Công ty TNHH M để tiến hành khai hoang, phát dọn thực bì, trồng và chăm sóc keo.

2. Ngày 07/10/2002, Chủ tịch UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876219 tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 12, diện tích 103.000m², mục đích sử dụng RTS tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Lê C trên phần đất mà các ông Lê C, Lê C1, Lê C2, Trần Cao Th cùng khai hoang trồng keo. Ông Lê C thừa nhận thửa đất trên là của chung 4 người, nhưng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê C là không đúng theo quy định tại mục I phần 3 Thông tư số 346/1998 ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính.

3. Khi lập hồ sơ giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND xã H không tiến hành kiểm tra, ghi ý kiến xin xác nhận vào đơn xin giao đất; Cơ quan địa chính huyện chưa phối hợp với Cơ quan Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Cơ quan kiểm lâm huyện trong việc thẩm tra hồ sơ và ký vào đơn xin giao đất, không tiến hành tổ chức giao đất ngoài thực địa, nhưng UBND huyện N vẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 phần II Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Tổng cục địa chính.

4. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất lâm nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U876219 ngày 07/10/2002 Phó chủ tịch ký thay chủ tịch UBND huyện N là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

5. Do đó, ngày 19/10/2017 UBND huyện N ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê C, nhưng do ông Lê C không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 22/3/2018 UBND huyện N ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê C là có cơ sở. Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử bác phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê C về việc hủy Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Lê C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

7. Những phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 1993; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 62/2000/TTLT-BNN-TCĐC ngày 06/6/2000 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn và Tổng cục địa chính; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính của Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác một phần nội dung đơn khởi kiện của ông Lê C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Công văn số 6095/UBND-NC ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND huyện N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê C.

2. Về án phí: Ông Lê C phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000đ ông C đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004796 ngày 18/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm